

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2025

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân.

1. Bà Võ Thị Ngọc.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Dương Hoài Thảo.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 141/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Cẩm TH, sinh năm 1992. **Nơi cư trú: Thôn T, xã BN, huyện PR, tỉnh Bình Phước.** (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Vĩnh PH, sinh năm 1986. **Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.** (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Cẩm TH trình bày:**

Chị và anh Lê Vĩnh PH tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BN. Trong cuộc sống vợ chồng PH sinh mâu thuẫn do một người một tính cách, phong tục tập quán khác nhau. Đến năm 2023 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm nên yêu

cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh PH.

2. Về con chung: Tại đơn khởi kiện chị TH trình bày chị và anh PH có 02 con tên là Lê Hoàng N, sinh ngày 04/01/2017 và Lê Ánh L, sinh ngày 20/10/2019. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung. Yêu cầu anh PH có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi thành niên.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2025 chị TH trình bày: Chị không có khả năng và thời gian nuôi cả 02 con, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Lê Ánh L, không yêu cầu cấp dưỡng.

3. Đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị TH trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu Ly hôn, có nguyện vọng được nuôi dưỡng 01 con chung Lê Ánh L, giao con chung Lê Hoàng N cho anh PH nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*** Bị đơn anh Lê Vĩnh PH quá trình giải quyết vụ án trình bày:** Xác nhận về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn là đúng. Trong năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gia đình do kinh tế, sau đó chị TH đã cùng với con nhỏ về huyện PR sinh sống. Đối với yêu cầu khởi kiện Ly hôn của chị TH thì đề nghị giải quyết theo quy định, anh từ chối đến Tòa án Làm việc. Anh xác nhận có 02 con chung Là Lê Hoàng N, sinh ngày 04/01/2017 và Lê Ánh L, sinh ngày 20/10/2019. Anh có nguyện vọng nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng, từ khi sống Ly thân anh nuôi cháu N, anh vẫn giành thời gian chăm sóc, đưa đón con chu đáo. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án:** Việc Tòa án thụ Lý, giải quyết vụ án Là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài Liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh Luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về yêu cầu ly hôn của chị Trần Cẩm TH: Hội đồng xét xử nhận thấy chị TH và anh PH tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BN, huyện P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 30/5/2016. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên là hôn nhân Là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng mâu thuẫn: Các bên thừa nhận trong thời gian chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không thống nhất được với nhau trong các công việc gia đình và liên quan đến kinh tế. Từ khoảng cuối năm 2023 đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều Lần hòa giải nhưng các bên không tham gia hòa giải.

Như vậy, có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa hai bên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và Lời khai các đương sự thể hiện có 02 con chung Là Lê Hoàng N, sinh ngày 04/01/2017 và Lê Ánh L, sinh ngày 20/10/2019.

Hội đồng xét xử nhận thấy, kể từ thời gian sống ly thân cho đến nay chị TH đưa con chung Lê Ánh L về huyện PR sinh sống, còn anh PH sinh sống tại địa phương xã Đ, huyện B và nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng N. Anh PH có nguyện vọng nuôi dưỡng cả 02 con nhưng không có tài Liệu chứng cứ chứng minh về việc bên còn lại không có khả năng nuôi con. Vì vậy, cần thiết giao giao cho mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Các bên có quyền thăm mom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Cẩm TH đối với bị đơn Lê Vĩnh PH; Chị Trần Cẩm TH được Ly hôn với anh Lê Vĩnh PH.

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Ánh L, sinh ngày 20/10/2019 cho chị Trần Cẩm TH trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Giao con chung Lê Hoàng N, sinh ngày 04/01/2017 cho anh Lê Vĩnh PH trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp Luật.

3. Về án phí: Chị Trần Cẩm TH phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009348 ngày 07/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp Lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã BN;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình